ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC
SỰ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CỦA ĐẢNG VÀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH DẪN TỚI THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

PGS, TS NGUYỄN TRỌNG PHÚC*

Hội nghị thành lập ĐCS Việt Nam (2-1930) đã thông qua *Chánh cương vắn tắt của Đảng* do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo nhấn mạnh chủ trương chiến lược là "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"[1]. Về phương diện chính trị phải "Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến. Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập"[2]. Đó là đường lối chính trị hoàn toàn đúng đắn phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, hướng vào giải quyết những mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến và định hướng phát triển theo nội dung và xu thế của thời đại.

Phong trào cách mạng nước ta từ Xô viết Nghệ -Tĩnh những năm 1930-1931 đến cuộc vận động dân chủ 1936-1939 là quá trình vừa thực hiện, vừa khảo nghiệm, tổng kết thực tiễn, khẳng định tính đúng đắn và bổ sung, phát triển hoàn chỉnh đường lối đó - đường lối cách mạng giải phóng dân tộc (GPDT). Từ thực tiễn của cách mạng Việt Nam, HNTƯ họp tháng 11-1939 ở Bà Điểm (Gia Định) đã nêu cao mục tiêu GPDT. "Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập"[3] phải thực hiện được "nhiệm vụ chính cốt của cách mệnh là đánh đổ đế quốc"[4] và "Công nông phải đưa cao cây cờ dân tộc lên"[5]. Sau khi chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ (1-9-1939), tại Đông Dương, thực dân Pháp thủ tiêu mọi quyền dân sinh, dân chủ ít ỏi mà họ buộc phải thực hiện trong những năm 1936-1939, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng, làm cho mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc thực dân Pháp càng phát triển gay gắt.

Tháng 9-1940 phát xít Nhật chiếm Đông Dương, Nhật và Pháp cùng thống trị Đông Dương, ách áp bức dân tộc càng trở nên nặng nề. Trong bối cảnh đó, HNTƯ tháng 11-1940 cho rằng cách mạng phản đế - cách mạng GPDT cao hơn hết và nêu rõ: "Một cao trào cách mạng nhất định sẽ nổi dậy. Đảng phải chuẩn bị để gánh lấy cái sứ mệnh thiêng liêng: lãnh đạo cho các dân tộc bị áp bức Đông Dương võ trang bạo động giành lấy quyền tự do độc lập"[6]. "Trong lúc này kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương là đế quốc chủ nghĩa Pháp, Nhật. Kẻ thù phụ là phong kiến bản xứ"[7].

Sau gần 30 năm hoạt động và lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước từ nước ngoài, ngày 28-1-1941 lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về nước, cùng với Trung ương Đảng trực

* Viện trưởng Viện lịch sử Đảng

tiếp lãnh đạo cao trào GPDT. Tháng 5-1941 HNTƯ họp tại Cao Bằng do Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Hội nghị đã phân tích, đánh giá phong trào cách mạng đã và đang diễn ra sôi nổi trên cả nước, đặc biệt là các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (9-1940), Nam Kỳ (11-1940) và cuộc khởi nghĩa của binh lính ở Đô Lương (Nghệ An), (13-1-1941). Trung ương Đảng cho rằng: "Mặc dù sự đàn áp của giặc Pháp rất dữ dội mà dân ta vẫn không lùi. Những cuộc khởi nghĩa lại gây một ảnh hưởng rộng lớn toàn quốc. Đó là những tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu tranh đấu bằng võ lực của các dân tộc ở một nước Đông Dương"[8].

HNTƯ 8 (5-1941) nêu rõ "Nhiệm vụ giải phóng dân tộc, độc lập cho đất nước là một nhiệm vụ trước tiên của Đảng ta". Đảng xác định chủ trương *làm cách mạng GPDT* "không phải giai cấp vô sản Đông Dương bỏ mất nhiệm vụ điền địa đi đâu, cũng không phải đi lùi lại một bước, mà chỉ bước một bước ngắn hơn để có sức mà bước một bước dài hơn"[9]. Đó chỉ là tạm gác mục tiêu giành ruộng đất cho nông dân để tập trung vào mục tiêu giành độc lập cho toàn dân tộc. Mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp đã được đặt ra và giải quyết một cách đúng đắn và thực tế. "Trong giai đoạn hiện tại ai cũng biết rằng: nếu không đánh đuổi được Pháp - Nhật thì vận mạng của dân tộc phải chịu kiếp trâu ngựa muôn đời mà vấn đề ruộng đất cũng không làm sao giải quyết được", "Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới quyền lợi giải phóng của toàn thể dân tộc"[10].

Như vậy, các nghị quyết HNTƯ (11-1939), (11-1940) và (5-1941) đã phát triển hoàn chỉnh đường lối cách mạng GPDT. Đó là một hệ thống các quan điểm, chủ trương của Đảng trên mấy vấn đề lớn và chủ yếu sau đây:

- Nêu cao nhiệm vụ GPDT, giành độc lập hoàn toàn cho đất nước. Chống đế quốc là nhiệm vụ hàng đầu vì đế quốc Pháp, Nhật là kẻ thù chủ yếu. Nhiệm vụ chống phong kiến đặt ra thực hiện từng bước và phải đặt dưới nhiệm vụ GPDT. Điều đó phù hợp với nguyện vọng chung của toàn thể dân tộc. Tạm thời chưa giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân, song "nông dân vẫn không giảm bớt sự hăng hái tranh đấu mà vẫn nỗ lực tranh đấu mạnh hơn vì trong cuộc tranh đấu GPDT họ cũng được hưởng nhiều quyền lợi to tát"[11].

- Để đoàn kết và huy động được sức mạnh của toàn dân thực hiện mục tiêu GPDT, Đảng chủ trương xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi và vững chắc. Đó là *Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương* (11-1939) thay cho Mặt trận dân chủ trước đó. Mặt trận là sự liên hiệp tất cả các dân tộc Đông Dương. Tháng 5-1941, HNTƯ quyết định thành lập *Việt Nam độc lập đồng minh* (Việt Minh). Đó là tổ chức mặt trận có chương trình rõ ràng và hệ thống tổ chức chặt chẽ với các đoàn thể cứu quốc là thành viên và *lấy làng, đường phố, nhà máy làm tổ chức cơ sở*. "Sự liên hiệp các đoàn thể cứu quốc trong Việt Minh là sự thống nhất lực lượng để tranh đấu thực hiện vấn đề độc lập cho đất nước"[12]. Việt Minh lấy ngọn cờ đỏ có ngôi sao vàng năm cánh làm huy hiệu. Đó cũng là tổ chức Mặt trận giải quyết vấn đề dân tộc trong nội bộ dân tộc Việt Nam, *giành quyền độc lập cho xứ sở*. Song "Việt Nam độc lập đồng minh lại còn hết sức giúp đỡ Ai Lao độc lập đồng minh và Cao Miên độc lập đồng minh"[13]. Đảng và Mặt trận Việt Minh đã kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ dân tộc và nhiệm vụ đoàn kết quốc tế.

- Đảng chủ trương xây dựng và phát triển căn cứ địa cách mạng, cùng với lực lượng chính trị phải coi trọng xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang để chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, giành độc lập. Sau khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ, Trung ương

Đảng đã ra lời hiệu triệu hưởng ứng các cuộc khởi nghĩa đó và đặt vấn đề phải đi tới vũ trang khởi nghĩa. HNTƯ 8, từ kinh nghiệm của các cuộc khởi nghĩa, của hoạt động của Cứu quốc quân, chiến tranh du kích ở Bắc Sơn - Vũ Nhai, đã khẳng định vấn đề khởi nghĩa vũ trang: "Cuộc cách mạng Đông Dương phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa võ trang"[14]. Điều kiện để khởi nghĩa bằng vũ trang là: Mặt trận cứu quốc đã thống nhất được toàn quốc; Nhân dân không thể sống được nữa dưới ách thống trị của Pháp - Nhật, mà đã sẵn sàng hy sinh bước vào con đường khởi nghĩa; Phe thống trị đã bước vào khủng hoảng cực điểm; Những điều kiện khách quan thuận lợi xuất hiện như quân Đồng minh thắng Nhật hay cách mạng nổ ra ở Pháp, ở Nhật. HNTƯ 8 đã dự liệu những điều kiện để chuẩn bị cho những điều kiện đó phát triển và khẳng định: "Ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn"[15].

- Đảng hết sức chú trọng phân tích tình thế cách mạng cả trong nước và quốc tế để chủ động chuẩn bị về mọi mặt thúc đẩy thời cơ cách mạng. HNTƯ tháng 11-1939 và tháng 11-1940 đã đề cập tới tình thế và thời cơ để cách mạng tiến lên giành thắng lợi. Đặc biệt HNTƯ tháng 5-1941 đã dự báo Liên Xô thắng trận, quân Trung Quốc phản công, quân Nhật đang mắc sự phản công của Anh-Mỹ và đặt ra yêu cầu cần thiết và cấp bách cho "sự chuẩn bị điều kiện chuyển biến cuộc cách mạng phải chuẩn bị ngay từ bây giờ". "Tình hình thế giới sẽ biến chuyển ghê gớm làm cho tình hình Đông Dương thay đổi có lợi cho cách mạng". "Ta phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù"[16]. Sau HNTƯ 8, Đảng và Hồ Chí Minh tiếp tục theo sát sự phát triển của tình hình thế giới và trong nước để dự liệu thời cơ cách mạng. Trong tài liệu *Lịch sử nước ta* do Hồ Chí Minh viết và được Việt Minh tuyên truyền bộ xuất bản tháng 2-1942 ở mục những năm quan trọng, câu kết thúc Người đã dự báo năm "1945 Việt Nam độc lập"[17].

- Khi xác định cuộc cách mạng là cách mạng GPDT nghĩa là phải giành lấy độc lập, tự do cho dân tộc thì một vấn đề rất cơ bản và chủ yếu đặt ra là vấn đề hình thức tổ chức nhà nước phải xây dựng khi giành được độc lập. HNTƯ tháng 11-1939 chủ trương chưa đưa khẩu hiệu lập Chính phủ "Xô viết công nông binh" là hình thức chính phủ riêng của dân chúng lao động mà lựa chọn hình thức chính phủ *Cộng hoà dân chủ*, là hình thức chính phủ chung cho tất cả các tầng lớp dân chúng trong xứ và trong phong trào GPDT. Đó là sự lựa chọn đúng đắn phù hợp với điều kiện cụ thể của xã hội Việt Nam. Trong *Chương trình Việt Minh* đã xác định: "Sau khi đánh đuổi được đế quốc Pháp, Nhật, sẽ thành lập một chính phủ nhân dân của Việt Nam dân chủ cộng hoà lấy lá cờ đỏ ngôi sao vàng năm cánh làm lá cờ toàn quốc"[18]. Cộng hoà dân chủ là hình thức nhà nước nhân dân rộng rãi mà Đảng ta dự kiến đã trở thành hiện thực khi Cách mạng tháng Tám thắng lợi. Đó là Nhà nước cách mạng của dân, do dân, vì dân và do ĐCS lãnh đạo.

Khi bước vào cao trào GPDT những năm 1939 - 1945, Đảng và Hồ Chí Minh xác định cách mạng nước ta chưa phải là cách mạng tư sản dân quyền với nhiệm vụ giành độc lập dân tộc và ruộng đất cho dân cày, cũng chưa phải là cách mạng XHCN mà là *Cách mạng giải phóng dân tộc* giành cho được độc lập hoàn toàn rồi từng bước thực hiện mục tiêu ruộng đất, mở đường tiến dần lên CNXH. Đó là quy luật vận động, phát triển của cách mạng nước ta và khẳng định sự đúng đắn, tính triệt để của cách mạng GPDT do ĐCS lãnh đạo.

Những nội dung đường lối cách mạng GPDT mà các NQTƯ (11-1939), (11-1940) và NQTƯ (5-1941) xác định là một hệ thống toàn diện, đồng bộ những vấn đề chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng, chủ động về nắm bắt tình thế và thời cơ cách mạng. Điều cần đặc biệt nhấn mạnh là Đảng và Hồ Chí Minh đã làm rõ sự thống nhất trong mục tiêu giành độc lập cho dân tộc và giành chính quyền về tay nhân dân, để đi đến sự lựa chọn hình thức chính quyền nhà nước thích hợp. Lênin từng chỉ ra rằng, chính quyền nhà nước là vấn đề cơ bản và chủ yếu nhất của mọi cuộc cách mạng. Cách mạng xã hội phải giải quyết vấn đề cơ bản là vấn đề chính quyền nhà nước nghĩa là giai cấp nào nắm chính quyền: Cách mạng tư sản chuyển chính quyền nhà nước từ tay giai cấp phong kiến sang tay giai cấp tư sản; Cách mạng vô sản chuyển chính quyền từ tay giai cấp tư sản sang tay giai cấp vô sản và đông đảo những người lao động. Cách mạng GPDT ở một nước thuộc địa như Việt Nam phải thực hiện mục tiêu cốt yếu là độc lập dân tộc, xây dựng một chính quyền nhà nước độc lập - chính quyền của nhân dân do ĐCS lãnh đạo. Đó là sự phát triển sáng tạo của Đảng và Hồ Chí Minh trong học thuyết về cách mạng và nhà nước.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ đầu những năm 40 của thế kỷ XX đã diễn ra theo đường lối cách mạng GPDT mà Đảng và Hồ Chí Minh đã đề ra. Đường lối đó có vai trò chỉ đạo phong trào cách mạng trên khắp cả nước. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng tiếp tục cụ thể hoá những quan điểm, đường lối đó và giải quyết thành công nhiều vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

Vấn đề phân tích, đánh giá tình thế và thời cơ cách mạng được Đảng và Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng. Đó vừa là khoa học vừa là nghệ thuật trong lãnh đạo cách mạng nói chung và trong khởi nghĩa giành chính quyền nói riêng. Cuối năm 1943, sau khi ra khỏi nhà tù của Quốc dân Đảng Trung Hoa, trở về nước, Hồ Chí Minh đã dự báo chiến tranh thế giới thứ II chỉ trong khoảng một năm hay một năm rưỡi nữa là kết thúc, đó sẽ là cơ hội thuận lợi cho cách mạng nước ta giành thắng lợi, phải gấp rút chuẩn bị lực lượng về mọi mặt. Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" của Thường vụ Trung ương Đảng (12-3-1945) đã làm rõ hơn về tình thế và thời cơ cách mạng. Đảng đã kịp thời phát động cao trào kháng Nhật cứu nước rộng khắp trên cả nước; phân tích những điều kiện cụ thể để khởi nghĩa có thể nổ ra và giành thắng lợi; đặt ra cho các Đảng bộ địa phương tinh thần chủ động, sáng tạo trong lãnh đạo khởi nghĩa ở địa phương mình khi ở đó những điều kiện khởi nghĩa đã chín muồi.

Hội nghị cán bộ Đảng toàn quốc ở Tân Trào giữa tháng 8 - 1945 đã kịp thời quyết định Tổng khởi nghĩa trên cả nước sau khi quân Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh và trước khi quân đội Đồng minh vào Đông Dương giải giáp quân Nhật. Thời cơ khởi nghĩa thuận lợi nhất là nửa cuối tháng 8 - 1945. Khởi nghĩa đã nổ ra và giành thắng lợi đúng như thế. C.Mác nói khởi nghĩa là một nghệ thuật. Điểm tuyệt diệu nhất của nghệ thuật đó là chớp đúng thời cơ. Khi phát động khởi nghĩa, Đảng và Hồ Chí Minh cũng đã sớm nhận thấy khó khăn phức tạp và nguy cơ mới xuất hiện đó là quân đội Đồng minh kéo vào. Phải giành thắng lợi trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương để với tư cách người chủ đất nước tiếp quân Đồng minh. Đó là quyết định đúng đắn và tránh những khó khăn không lường hết được. Như vậy, Cách mạng tháng Tám không chỉ tranh thủ điều kiện thuận lợi khi quân Nhật đầu hàng Đồng minh mà còn tránh được khó khăn mới nảy sinh do tình hình quốc tế đưa lại.

Một thành công nổi bật của Đảng và Hồ Chí Minh trong lãnh đạo Cách mạng tháng Tám đó là huy động được sức mạnh của lực lượng toàn dân tộc, nêu cao tinh thần yêu nước, khát vọng độc lập tự do, ý chí tự lực, tự cường, *quyết tâm đem sức ta mà tự giải phóng cho ta*. Đảng và Hồ Chí Minh đã sớm nhen nhóm tổ chức yêu nước và phát triển lực lượng cách mạng rộng khắp trên tất cả địa bàn: rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị; trong tất cả mọi giai cấp, tầng lớp xã hội kể cả các giai cấp bóc lột, tầng lớp trên có tinh thần yêu nước, các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, các tôn giáo, các cá nhân yêu nước, tiến bộ. Không có lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc như thế, không thể có thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh "Sự nghiệp làm nên bởi chữ đồng", đồng chí, đồng lòng, đồng sức nghĩa là toàn dân kết thành một khối xung quanh Đảng, Mặt trận Việt Minh và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Với sức mạnh của toàn dân được tổ chức lại trên khắp các địa phương, địa bàn, khi thời cơ đến mới có thể chủ động giành thắng lợi. Trên thế giới có những cuộc khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng hoặc là diễn ra chủ yếu ở thủ đô, thành phố rồi mới lan ra, kết thúc ở nông thôn hoặc là diễn ra chủ yếu ở nông thôn, lấy nông thôn bao vây thành thị. Ở Việt Nam, khởi nghĩa nổ ra đều khắp trên tất cả các địa bàn, địa phương, có sự phối hợp, hưởng ứng giữa các địa phương và địa bàn đó. Ở đây thể hiện năng lực tổ chức, chỉ đạo thực tiễn rất cao của hệ thống tổ chức Đảng, Việt Minh và của đội ngũ cán bộ, đảng viên đồng thời thể hiện tính năng động, sáng tạo và trách nhiệm trước dân tộc, trước lịch sử.

Khi chuẩn bị thành lập Đảng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã phân tích sâu sắc mối quan hệ giữa cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng giải phóng ở các thuộc địa thông qua hình tượng coi CNTB thực dân như con đỉa có 2 vòi: một vòi bám vào giai cấp vô sản chính quốc và một vòi bám vào các dân tộc thuộc địa. Nguyễn Ái Quốc nêu rõ sự phối hợp của cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng thuộc địa như hai cánh chim. Người cũng sớm đề cập tới ý chí tự lực, tinh thần chủ động giành thắng lợi của cách mạng ở các thuộc địa. Trong lãnh đạo, chỉ đạo cao trào cách mạng GPDT 1939 - 1945 Đảng và Hồ Chí Minh đã phát huy cao độ tinh thần chủ động giành thắng lợi. Đặt ra và tranh thủ tối đa điều kiện thuận lợi của quốc tế, nhưng không ỷ lại, trông chờ lực lượng bên ngoài đến giải phóng cho mình, mà quyết tâm đứng lên tự giải phóng, chủ động giành thắng lợi. Đảng đã kết hợp thành công sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại nhưng cái gốc vẫn là sức mạnh dân tộc, là nội lực, là ý chí và quyết tâm tự cứu lấy mình.

Có đường lối đúng, được hoạch định trên cơ sở tư duy chính trị, lý luận cách mạng khoa học và thực tiễn sinh động của xã hội, đất nước là một bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng. Đường lối đó được tổ chức thực hiện, cụ thể hoá và phát triển một cách sáng tạo là thêm sự bảo đảm chắc chắn cho thắng lợi. Đó cũng là một trong những bài học lịch sử quan trọng và chủ yếu của Cách mạng tháng Tám năm 1945, rất có ý nghĩa đối với công cuộc đổi mới của Đảng và nhân dân ta hiện nay.

1, 2 . ĐCS Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2002, T. 2, tr.2

3, 4, 5. *Sđd*, T.6, tr.536, 538

6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18. *Sđd*, T.7, tr.58, 76, 109, 119, 119, 120, 123-124, 149, 129, 131-132, 131, 150

17. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T.3, tr.230.